

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2012/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 15 tháng 3 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành định mức tiêu hao nhiên liệu đối với xe ô tô con
sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước phục vụ công tác**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Chỉ thị số 26/2005/CT-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm trong tiêu dùng xăng dầu;

Căn cứ Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg, ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Công ty Nhà nước; Quyết định số 61/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg;

Căn cứ Thông tư số 103/2007/TT-BTC, ngày 29 tháng 8 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg, ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 06/2011/TT-BTC ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 103/2007/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2007;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 44/TTr-GTVT ngày 16 tháng 01 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này định mức tiêu hao nhiên liệu đối với xe ô tô con sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước phục vụ công tác (chi tiết như phụ lục kèm theo).

Điều 2. Định mức tiêu hao nhiên liệu trên là căn cứ cho công tác quản lý, cung cấp nhiên liệu cho các loại xe ô tô con phục vụ công tác có sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước.

Đối với các loại ô tô chuyên dùng thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị căn cứ vào định mức trên để quy định cụ thể cho phù hợp.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định 36/2007/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành định mức tiêu hao nhiên

liệu cho các loại ô tô con sử dụng ngân sách Nhà nước phục vụ công tác.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lữ Ngọc Cư

PHỤ LỤC
ĐỊNH MỨC TIÊU HAO NHIÊN LIỆU XE Ô TÔ CON

(Kèm theo Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk

Đơn vị tính: lít/100km

STT	Nhiên liệu, thể tích làm việc của động cơ (Cm ³)	TOYATA	MAZDA	NISAN	MITSUBISHI	ISUDU	FORD	HUYN DAI	DEWOO	YAZ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Động cơ sử dụng nhiên liệu xăng từ 4 đến dưới 7 chỗ									
1	Xe có thể tích làm việc của động cơ dưới 1.800Cm ³	10	9	-	10	-	10	10	10	-
2	Xe có thể tích làm việc của động cơ từ 1.800Cm ³ đến dưới 2.000Cm ³	12	12	12	12	-	-	12	12	-
3	Xe có thể tích làm việc của động cơ từ 2.000Cm ³ đến dưới 2.400Cm ³	13	13,5	-	-	-	14	13,5	-	-
4	Xe có thể tích làm việc của động cơ từ 2.400Cm ³ đến dưới 3.000Cm ³	14	-	-	-	-		14,5	-	-
5	Xe có thể tích làm việc của động cơ từ 3.000Cm ³	15	-	-	-	-	-	-	-	-

	trở lên									
II	Động cơ sử dụng nhiên liệu xăng từ 7 đến dưới 10 chỗ ngồi									
1	Xe có thể tích làm việc của động cơ dưới 2.000Cm ³	12	-	12	13	-	-	12,5	11	-
2	Xe có thể tích làm việc của động cơ từ 2.000Cm ³ đến dưới 2.400Cm ³	13,5	-	14	14	-	-	13,5	14	-
3	Xe có thể tích làm việc của động cơ từ 2.400Cm ³ đến dưới 3.000Cm ³	16	-	15	16,5	-	16	15	-	17
4	Xe có thể tích làm việc của động cơ từ 3.000Cm ³ đến dưới 3.500Cm ³	17	-	-	18,5	17	-	-	-	-
5	Xe có thể tích làm việc của động cơ từ 3.500Cm ³ đến dưới 4.500Cm ³	20	17	17	-	-	-	-	-	-
6	Xe có thể tích làm việc của động cơ từ 4.500Cm ³ trở lên	23	-	-	-	-	-	-	-	-
III	Động cơ sử dụng nhiên liệu xăng Số chỗ ngồi từ 10 đến 16 chỗ									
1	Xe có thể tích làm việc	14	15	-	14	15	-	-	-	-

	của động cơ từ 2.000Cm ³ đến dưới 2.400Cm ³									
2	Xe có thể tích làm việc của động cơ từ 2.400Cm ³ đến dưới 3.000Cm ³	16,5	-	-	-	-	16	-	-	-
IV	Động cơ sử dụng nhiên liệu Diezen									
1	Xe có thể tích làm việc của động cơ dưới 2.000Cm ³	9	-	-	-	-	-	9	9,5	-
2	Xe có thể tích làm việc của động cơ từ 2.000Cm ³ đến dưới 2.500Cm ³	10,5	-	-	11	-	12	10	-	-
3	Xe có thể tích làm việc của động cơ từ 2.500Cm ³ đến dưới 3.000Cm ³	12	10	10	12	10	-	12	-	-
4	Xe có thể tích làm việc của động cơ từ 3.000Cm ³ đến dưới 3.500Cm ³	13	-	-	13	-	-	-	-	-
5	Xe có thể tích làm việc của động cơ từ 3.500Cm ³ đến dưới 4.500Cm ³	14	-	14	-	-	-	-	-	-

I. Định mức tiêu hao nhiên liệu trên đã tính phụ cấp cho tất cả các trường hợp như:

- + Quay trở đầu, hoạt động trong thành phố, cung đoạn đường ngắn...
- + Qua cầu phao, cầu tạm, cầu khác có tín hiệu đi lại một chiều

II. Trường hợp ô tô trong thời gian chạy roda (từ 0 đến 10.000 km); phục vụ các tuyến đường giao thông chưa hình thành như đi khảo sát, hoạt động vùng sâu, vùng xa, đường quá xấu, đường do mưa lũ, lụt lội, trơn, lầy, gây nhiều khó khăn cho ô tô, tắc đường ở các thành phố đô thị cấp 1 (vận tốc <30 km/h) thì các đơn vị có thể tăng thêm định mức tiêu hao nhiên liệu nhưng không vượt quá 20% so với định mức đã quy định.(chỉ áp dụng cho các cung đoạn đường đó)

III. Đối với xe ô tô đã sử dụng chỉ số km trên đồng hồ báo đã vận hành 150.000 km trở lên thì nhiên liệu được cộng thêm như sau:

- + Xe có thể tích làm việc của động cơ dưới 2.400Cm^3 thì nhiên liệu được cộng thêm 1lít/100km.
- + Xe có thể tích làm việc của động cơ từ 2.400Cm^3 trở lên thì nhiên liệu được cộng thêm 1,5 lít/100km.
- + Đối với xe có động cơ Diezen có thể tích làm việc của động cơ từ 2.500Cm^3 trở lên thì nhiên liệu được cộng thêm 1,5 lít/100km.

IV. Định mức trên không áp dụng cho những dòng xe Hybrid

- + Xe sử dụng 02 nguồn nhiên liệu (xăng, điện)